

I. TRẮC NGHIỆM:**BÀI 11. VĂN MINH CHAMPA, PHÙ NAM**

- Câu 1:** Địa bàn cư trú chủ yếu của cư dân Chăm-pa cổ thuộc khu vực nào trên lãnh thổ Việt Nam ngày nay?
A. Bắc bộ và Bắc Trung bộ.
B. Trung và Nam Trung bộ.
C. Khu vực Nam bộ.
D. Cư trú rải rác trên khắp cả nước.
- Câu 2:** Nền văn minh Chăm-pa được phát triển dựa trên nền văn hóa
A. văn hóa Đồng Nai. B. văn hóa Đông Sơn.
C. văn hóa Sa Huỳnh. D. văn hóa Óc Eo.
- Câu 3:** Hoạt động kinh tế chính của cư dân Chăm-pa là
A. Phát triển thương nghiệp. B. Nông nghiệp lúa nước.
C. Săn bắn, hái lượm. D. Trồng trọt, chăn nuôi.
- Câu 4:** Trước khi tiếp nhận nền văn hóa từ bên ngoài, cư dân Chăm-pa có nền văn hóa bản địa nào sau đây?
A. Các lễ hội truyền thống theo nghi thức Hồi giáo. B. Tính ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ vạn vật.
C. Nghệ thuật xây dựng các khu đền, tháp. D. Phát triển kinh tế nông nghiệp lúa nước.
- Câu 5:** Nền văn minh Phù Nam được phát triển dựa trên nền văn hóa
A. Đồng Đậu, Gò Mun. B. Sa Huỳnh. C. Đông Sơn. D. Óc Eo.
- Câu 6:** Hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân cổ Phù Nam là
A. nông nghiệp. B. buôn bán. C. thủ công nghiệp. D. chăn nuôi, trồng trọt.
- Câu 7:** Địa bàn cư trú chủ yếu của cư dân Phù Nam thuộc khu vực nào trên đất nước Việt Nam ngày nay?
A. Bắc bộ và Bắc Trung bộ. B. Khu vực Nam bộ. C. Đồng bằng Sông Hồng. D. Trung bộ và Nam bộ.
- Câu 8:** Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ quốc gia Phù Nam có thương nghiệp phát triển?
A. Có vị trí địa lý thuận lợi cho phát triển thương nghiệp.
B. Là quốc gia cổ phát triển hùng mạnh ở Đông Nam Á.
C. Chi phối nền thương mại hàng hải ở khu vực Đông Nam Á.
D. Sự phát triển của nông nghiệp và sản phẩm phụ nông nghiệp.
- Câu 9:** Nội dung nào sau đây **không** phải là cơ sở hình thành của văn minh Chăm-pa?
A. Chịu ảnh hưởng từ nền văn minh Ấn Độ.
B. Hình thành trên cơ sở của nền văn hóa Sa Huỳnh.
C. Lưu giữ và phát huy nền văn hóa bản địa.
D. Chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Trung Hoa.
- Câu 10:** Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** đặc điểm của vương quốc Phù Nam?
A. Là quốc gia phát triển trên cơ sở văn hóa Sa Huỳnh.
B. Là quốc gia có kinh tế thương nghiệp phát triển.
C. Có nền kinh tế phát triển nhất khu vực Đông Nam Á.
D. Là quốc gia hình thành sớm nhất trên lãnh thổ Việt Nam.
- Câu 11:** Nhận xét nào dưới đây là **đúng** về đặc điểm của các nền văn minh cổ trên lãnh thổ Việt Nam?
A. Chỉ tiếp thu những thành tựu của nền văn minh Ấn Độ.
B. Chỉ có sự giao thoa giữa văn minh Trung Hoa và Ấn Độ.
C. Kết hợp giữa văn hóa bản địa với văn hóa bên ngoài.
D. Chỉ chịu ảnh hưởng từ nền văn hóa Trung Hoa.
- Câu 12:** Điểm giống nhau trong tổ chức xã hội của các quốc gia cổ trên lãnh thổ Việt Nam là?
A. Gồm có vua, quan, quý tộc, dân thường. B. Chia làm hai giai cấp thống trị và bị trị.
C. Đứng đầu nhà nước là vua có mọi quyền hành. D. Gồm quý tộc, quan lại và bình dân.
- Câu 13:** Điểm chung trong hoạt động kinh tế của cư dân các quốc gia cổ đại đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam là
A. lấy thương nghiệp làm hoạt động kinh tế chính.

B. kinh tế đa dạng dựa trên cơ sở phát triển nông nghiệp.

C. có nền kinh tế phát triển nhất khu vực Đông Nam Á.

D. chỉ có hoạt động kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước.

Câu 14: Nhận xét nào dưới đây là **đúng** về vai trò của các nền văn minh cổ trên lãnh thổ Việt Nam?

A. Tạo nên sự tách biệt, đối lập trong truyền thống văn hóa Việt.

B. Tạo cơ sở cho sự ra đời của một nền văn hóa mới.

C. Tạo nên sự đa dạng, đặc trưng của truyền thống văn hóa Việt.

D. Tạo điều kiện để giao lưu hòa tan với các nền văn hóa khu vực.

Câu 15: Nhận xét nào dưới đây là **đúng** về vai trò của nền văn minh Chăm-pa đối với tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam?

A. Là một bộ phận hình thành bản sắc văn hóa Việt Nam. **B.** Tạo nên sự tách biệt trong lịch sử văn hóa dân tộc.

C. Cung cấp nguồn sử liệu quý giá cho lịch sử thế giới. **D.** Là cội nguồn của nền văn minh tiếp theo của dân tộc.

BÀI 12

a) Nhận biết

Câu 1: Dưới triều đại nhà Lê sơ, bộ luật nào được ban hành?

A. Hình luật.

B. Hình thư.

C. Quốc triều hình luật

D. Hoàng Việt luật lệ.

Câu 2: Triều đại nào mở đầu cho thời đại phong kiến độc lập của dân tộc ta?

A. Triều Tiên Lý.

B. Triều Ngô.

C. Triều Lê.

D. Triều Nguyễn.

Câu 3: Các nhà nước phong kiến Việt Nam được xây dựng theo thể chế:

A. Quân chủ lập hiến.

B. Chiếm hữu nô lệ.

C. Dân chủ chủ nô.

D. Quân chủ chuyên chế.

Câu 4: Bộ luật thành văn đầu tiên của Đại Việt (Hình thư) được ban hành dưới thời

A. Lý.

B. Trần.

C. Lê sơ.

D. Lê Trung hưng.

Câu 5: Dưới thời Lê sơ, hệ tư tưởng nào giữ địa vị độc tôn ở Đại Việt?

A. Phật giáo.

B. Nho giáo.

C. Thuyết luân hồi.

D. Thuyết nhân quả.

Câu 6: Bộ luật nào dưới đây được ban hành dưới thời Nguyễn?

A. Hoàng việt luật lệ.

B. Quốc triều hình luật.

C. Hình luật.

D. Hình thư.

Câu 7: Văn minh Đại Việt có nguồn gốc sâu xa từ nền văn minh nào dưới đây?

A. Văn minh sông Mã.

B. Văn minh phương Đông.

C. Văn minh phương Tây.

D. Văn minh Việt cổ.

Câu 8: Bộ máy nhà nước chuyên chế trung ương tập quyền của Đại Việt được hoàn chỉnh dưới triều đại nào?

A. Thời Lý.

B. Thời Trần.

C. Thời Lê sơ.

D. Thời Hồ.

Câu 9: Trung tâm chính trị - văn hóa và đô thị lớn nhất Đại Việt trong các thế kỷ X-XV là

A. Phố Hiến.

B. Thanh Hà.

C. Thăng Long.

D. Hội An.

Câu 10: “Tam giáo đồng nguyên” là sự hòa hợp của của các tôn giáo nào sau đây?

A. Phật giáo - Đạo giáo - Nho giáo.

B. Phật giáo - Nho giáo - Thiên Chúa giáo.

C. Phật giáo - Đạo giáo - Tín ngưỡng dân gian.

D. Nho giáo - Phật giáo - Ấn Độ giáo.

Câu 11: Chữ Nôm trở thành chữ viết chính thống dưới triều đại phong kiến nào của nước ta?

A. Nhà Lý.

B. Nhà Trần.

C. Lê sơ.

D. Tây Sơn.

Câu 12: Việc cho dựng bia đá ở Văn Miếu Quốc Tử giám thể hiện chính sách nào sau đây của các triều đại phong kiến Việt Nam?

A. Nhà nước coi trọng giáo dục, khoa cử.

B. Ghi danh những anh hùng có công với nước.

C. Ghi lại tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc.

D. Đề cao vai trò của sản xuất nông nghiệp.

Câu 13: Văn minh Đại Việt còn có tên gọi khác là

A. văn minh Việt cổ.

B. văn minh sông Mã.

C. văn minh sông Hồng.

D. văn minh Thăng Long.

Câu 14. Cho đến nay, quốc hiệu tồn tại lâu dài nhất của Việt Nam là

A. Vạn An.

B. Đại Nam.

C. Vạn Xuân.

D. Đại Việt.

Câu 15. Người Việt đã tiếp thu có chọn lọc từ nền văn minh Ấn Độ các thành tựu về

A. tôn giáo (Phật giáo), nghệ thuật, kiến trúc B. chữ La-tinh, thể chế chính trị, luật pháp

C. tư tưởng Nho giáo, giáo dục, khoa cử

D. tôn giáo (Công giáo), chữ viết, luật pháp

b) Thông hiểu

Câu 16. Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XV là giai đoạn văn minh Đại Việt

A. có sự giao lưu với văn minh phương Tây. B. có những dấu hiệu trì trệ và lạc hậu.

C. phát triển mạnh mẽ và toàn diện.

D. bước đầu được định hình.

Câu 17. Việc nhà nước Lê đặt lệ xướng danh và khắc tên các tiến sĩ vào bia đá ở Văn Miếu đã thể hiện chính sách nào?

A. Trọng dụng nhân tài.

B. Trọng nông, ức thương.

C. Yêu nước, thương dân.

D. Đoàn kết toàn dân tộc.

Câu 18. Nội dung nào sau đây **không** phải là cơ sở hình thành nền văn minh Đại Việt?

A. Kế thừa nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc.

B. Tiếp thu chọn lọc từ thành tựu của các nền văn minh bên ngoài.

C. Đạo giáo là tư tưởng chính thống trong suốt các triều đại phong kiến.

D. Dựa trên nền độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt

Câu 19. Đặc điểm của văn học Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XIX là:

A. Văn học chữ Hán phát triển hơn văn học chữ Nôm.

B. Văn học chữ Nôm phát triển lấn át văn học chữ Hán.

C. Văn học chữ Hán và chữ Nôm suy tàn.

D. Phát triển văn học viết bằng chữ Quốc Ngữ.

Câu 20. Đầu thế kỉ X là giai đoạn văn minh Đại Việt :

A. có sự giao lưu với văn minh phương Tây.

B. có những dấu hiệu trì trệ và lạc hậu.

C. phát triển mạnh mẽ và toàn diện.

D. bước đầu được định hình.

Câu 21. Văn học chữ Nôm ra đời có ý nghĩa nào sau đây?

A. Thể hiện sự phát triển của văn minh Đại Việt thời Lý-Trần.

B. Vai trò của việc tiếp thu văn hóa Ấn Độ vào Đại Việt.

C. Thể hiện sự sáng tạo, tiếp biến văn hóa của người Việt.

D. Ảnh hưởng của việc truyền bá Công giáo vào Việt Nam.

Câu 22. Nội dung nào sau đây là **một trong** những cơ sở của việc hình thành nền văn minh Đại Việt là:

A. Có cội nguồn từ các nền văn minh lâu đời tồn tại trên đất nước Việt Nam.

B. Hình thành từ việc lưu truyền các kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp.

C. Có nguồn gốc từ việc tiếp thu hoàn toàn văn minh bên ngoài.

D. Chịu ảnh hưởng sâu sắc từ nền văn hóa Ai Cập qua ngàn năm Bắc thuộc.

Câu 23. Sự tiếp thu có sáng tạo văn minh Trung Hoa của người Việt được thể hiện thông qua thành tựu nào dưới đây?

A. Chữ Nôm.

B. Chữ Quốc ngữ.

C. Tín ngưỡng thờ Mẫu.

D. Chùa Cầu (Quảng Nam).

c) Vận dụng

Câu 24. Nhận xét nào sau đây là **không** đúng khi nói về tổ chức bộ máy nhà nước phong kiến thời Đinh-Tiền lê?

A. Tổ chức theo mô hình quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền.

B. Bộ máy nhà nước được hoàn thiện, chặt chẽ, tính chuyên chế cao.

C. Đặt cơ sở cho sự hoàn chỉnh bộ máy nhà nước ở giai đoạn sau.

D. Tổ chức còn đơn giản nhưng đã thể hiện ý thức độc lập, tự chủ.

Câu 25. Việc đề cao Nho giáo của các nhà nước phong kiến Đại Việt đã **không** dẫn đến hệ quả nào dưới đây?

A. Giữ ổn định trật tự kỷ cương của nhà nước phong kiến.

B. Tạo ra sự bảo thủ, chậm cải cách trước những biến đổi xã hội.

C. Nguy cơ tụt hậu, đứng trước sự xâm lược của thực dân phương Tây.

D. Tạo điều kiện giao lưu giữa các tôn giáo làm đậm đà bản sắc dân tộc.

Câu 26: Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng tình hình giáo dục – khoa cử của Đại Việt thời phong kiến?

- A. Nhà nước tăng cường khuyến khích nhân dân học tập.
- B. Trọng dụng nhân tài, coi “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”.
- C. Nhà nước chính quy hóa việc thi cử để tuyển chọn nhân tài.
- D. Nội dung thi cử thiên về các môn khoa học tự nhiên, kĩ thuật.

Bài 13

Câu 1: Các vua thời Tiền Lê, Lý hằng năm tổ chức “lễ Tịch điền” nhằm mục đích gì?

- A. Khuyến khích sản xuất nông, lâm nghiệp.
- B. Khuyến khích bảo vệ, tôn tại đê điều.
- C. Khuyến khích sản xuất nông nghiệp.
- D. Khuyến khích khai khẩn đất hoang.

Câu 2: Thời kì phát triển của nền văn minh Đại Việt chấm dứt khi

- A. nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (2/9/1945).
- B. vua Bảo Đại thoái vị (1945), chế độ quân chủ ở Việt Nam sụp đổ.
- C. thực dân Pháp xâm lược và thiết lập chế độ cai trị ở Việt Nam.
- D. nhà Minh xâm lược và thiết lập ách cai trị, đô hộ ở Đại Ngu.

Câu 3: Đến thế kỉ XVII, chữ Quốc ngữ được hình thành từ việc sử dụng và cải biến

- A. chữ Phạn của Ấn Độ.
- B. chữ Hán của Trung Quốc.
- C. bảng chữ cái La-tinh.
- D. chữ hình nôm của Lương Hà.

Câu 4: Trong các thế kỉ XVI - XVII, văn minh Đại Việt

- A. có sự giao lưu với văn minh phương Tây.
- B. bước đầu được định hình.
- C. có những dấu hiệu trì trệ và lạc hậu.
- D. phát triển mạnh mẽ và toàn diện.

Câu 5: Sự hưng khởi của các đô thị Đại Việt trong các thế kỉ XI – XVIII do yếu tố nào?

- A. Sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế hàng hóa.
- B. Nhiều thương nhân châu Âu, châu Á đến buôn bán.
- C. Xuất hiện nhiều đô thị lớn như Thăng Long, Phố Hiến.
- D. Các chợ làng, chợ huyện, chợ phủ mọc lên khắp nơi.

Câu 6: Các triều đại phong kiến ở Việt Nam đều theo thể chế nào sau đây?

- A. Dân chủ chủ nô.
- B. Dân chủ đại nghị.
- C. Quân chủ chuyên chế.
- D. Quân chủ lập hiến.

Câu 7: Ở Đại Việt, thời phát triển, tư tưởng nào được xem là tiêu chuẩn đạo đức cao nhất để đánh giá con người và các hoạt động xã hội?

- A. Yêu chuộng hòa bình.
- B. Yêu nước, thương dân.
- C. Tương thân tương ái.
- D. Nhân nghĩa, đoàn kết.

Câu 8: Từ chính sách giáo dục Nho học của Đại Việt có thể rút ra được bài học kinh nghiệm gì cho nền giáo dục Việt Nam hiện nay?

- A. Phải duy trì nền giáo dục khoa học.
- B. Xây dựng nền giáo dục toàn diện.
- C. Phát triển giáo dục khoa học tự nhiên.
- D. Phát triển giáo dục khoa học xã hội.

Câu 9: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam?

- A. Khẳng định bản sắc dân tộc của một nhóm người.
- B. Thể hiện sự kết hợp giữa văn hóa bản địa và văn hóa bên ngoài.
- C. Thể hiện một nền văn hóa rực rỡ, phong phú, toàn diện và độc đáo.
- D. Chứng tỏ văn hóa ngoại lai hoàn toàn lấn át văn hóa truyền thống.

Câu 10: Văn minh Đại Việt có nguồn gốc sâu xa từ

- A. văn minh sông Mã.
- B. văn minh Chăm-pa.
- C. văn minh Phù Nam.
- D. văn minh Việt cổ.

Câu 11: Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng về khái niệm văn minh Đại Việt?

- A. Phát triển rực rỡ trên các lĩnh vực đời sống xã hội.
- B. Chủ thể là cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- C. Hình thành và phát triển cùng với quốc gia Đại Việt.
- D. Là nền văn minh đầu tiên của dân tộc Việt Nam.

Câu 12: Yếu tố quyết định sự phát triển rực rỡ của nền văn minh Đại Việt là

- A. Sự tiếp thu tiến bộ văn minh Trung Hoa. B. Nền độc lập, tự chủ của quốc gia.
C. Sự phục hồi của nền văn minh Âu Lạc D. Sự tiếp thu tinh hoa văn minh Ấn Độ.

Câu 13: Tín ngưỡng phổ biến và tiêu biểu nhất của người Việt là

- A. thờ cúng tổ tiên. B. thờ Thần linh. C. thờ phồn thực. D. thờ cúng Phật.

Câu 14: Tín ngưỡng tôn giáo sau đây được người Việt tiếp thu từ bên ngoài?

- A. Thờ Phật. B. Thờ anh hùng dân tộc.
C. Thờ ông Thành hoàng. D. Thờ cúng tổ tiên.

Câu 15: Bộ luật nào dưới đây được ban hành dưới thời Nguyễn?

- A. Luật Hồng Đức. B. Luật Gia Long. C. Hình luật. D. Hình thư.

Câu 16: Phật giáo trở thành quốc giáo ở Việt Nam dưới thời nào?

- A. Ngô - Đinh - Tiền Lê. B. Lý - Trần.
C. Lê sơ - Lê trung hưng. D. Tây Sơn - Nguyễn.

Câu 17: Người Việt đã tiếp thu có chọn lọc các thành tựu về: thể chế chính trị, luật pháp, chữ viết, tư tưởng Nho giáo, giáo dục, khoa cử... từ nền văn minh nào dưới đây?

- A. Văn minh Ấn Độ. B. Văn minh Phục hưng.
C. Văn minh Hy Lạp - La Mã. D. Văn minh Trung Hoa.

Câu 18: Các xưởng thủ công của nhà nước dưới các triều đại phong kiến Việt Nam còn được gọi là

- A. Quốc tử giám. B. Hàn lâm viện. C. Quốc sử quán. D. Cục bách tác.

Câu 19: Năm 1010, Lý Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư về

- A. Phong Châu. B. Cổ Loa. C. Tây Đô. D. Đại La.

CÂU HỎI ĐÚNG SAI

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Vùng đất này (Chăm – pa) được coi là vùng có khí hậu khô hạn nhất miền Trung, đồng bằng hẹp, khô hạn, cồn cát chiếm tỉ lệ cao. Trong những vùng ngăn cách bởi dải Hoành Sơn, có không gian khép kín, ba mặt là núi, hướng đông mở ra biển,... Mỗi liên hệ giữa các vùng với nhau chủ yếu là giao thông đường biển, bởi đường bộ phải vượt qua những đèo khá hiểm trở gian nan”.

(Lê Đình Phụng, *Đối thoại với nền văn minh cổ Chăm – pa*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2015, tr.104).

- a. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin những cơ sở về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội cho sự hình thành nền văn minh Chăm – pa.
b. Địa hình của vương quốc Chăm – pa bị chia cắt và phức tạp, bao gồm cả đồng bằng thấp trũng, rừng núi, cao nguyên và biển.
c. Điều kiện tự nhiên của vương quốc Chăm – pa hoàn toàn không thuận lợi cho sự phát triển của nông nghiệp trồng lúa nước.
d. Phương thức di chuyển chủ yếu của cư dân Chăm – pa bằng thuyền trên sông, biển.

a. S b. S c. S d. Đ

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Hình thành trên một không gian tương đối rộng lớn với cả ba vùng cảnh quan đồng thời là ba không gian sinh thái tự nhiên: núi rừng, châu thổ và duyên hải, các di tích văn hóa Chăm tìm được ở miền Trung trải dọc từ Quảng Bình (di tích Cao Lao Hạ) ở phía bắc đến Ninh Thuận, Bình Thuận, Đồng Nai ở phía nam. Trong các vòng tiếp giao xã hội và văn hóa rộng lớn đó, dấu tích văn hóa Chăm còn được phát hiện trên vùng cao nguyên hiện nay như các tỉnh: Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Lâm Đồng...”

(Nguyễn Văn Kim, *Biển Việt Nam và các mối giao thương biển*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2019, tr.146 – 147)

- a. Vương quốc Chăm – pa là một quốc gia rộng lớn có lãnh thổ trải rộng từ miền Bắc vào miền Nam Việt Nam.
b. Văn minh Chăm – pa được hình thành trên một không gian rộng lớn với nhiều loại địa hình.

- c. Hiện nay, các di tích văn hóa Chăm không chỉ được tìm thấy ở các tỉnh miền Trung mà còn được tìm thấy ở nhiều tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên.
- d. Di tích Cao Lao Hạ thuộc khu vực Nam Trung Bộ được tìm thấy là một trong các di tích thuộc văn hóa Chăm – pa.
- a. S b. Đ c. Đ d. S**

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long là quần thể di tích gắn với lịch sử kinh thành Thăng Long, bắt đầu từ thời kì tiền Thăng Long (An Nam đô hộ phủ, thế kỉ VII) qua thời Đinh, Tiền Lê, phát triển mạnh dưới thời Lý, Trần, Lê sơ. Đây là quần thể kiến trúc đồ sộ, được các triều đại xây dựng trong nhiều giai đoạn lịch sử, là minh chứng cho sự phát triển rực rỡ của văn minh Đại Việt trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục. Năm 2010, Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa Thế giới.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ cánh diều, tr.68)

- a. Thăng Long là kinh đô của nước Đại Việt qua nhiều triều đại phong kiến từ Đinh, Tiền Lê đến Lý, Trần, Lê sơ.
- b. Những dấu tích để lại trong Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long là một cơ sở để tìm hiểu, nghiên cứu về văn minh Đại Việt.
- c. Trung tâm Hoàng thành Thăng Long là một quần thể kiến trúc đồ sộ, còn nguyên vẹn đến ngày nay, được công nhận là Di sản văn hóa Thế giới
- d. Kinh thành Thăng Long là nơi hội tụ tinh hoa văn hóa Đại Việt trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục.
- a. S b. Đ c. S d. Đ**

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây

Độc lập, tự chủ là nhân tố quan trọng của việc hình thành và phát triển nền văn minh Đại Việt. Vị thế độc lập về chính trị dẫn đến ý thức độc lập về văn hóa. Trải qua các triều đại Ngô, Đinh – Tiền Lê, Lý, Trần, Lê sơ,..., nền độc lập, tự chủ quốc gia tiếp tục được củng cố vững chắc. Đó là điều kiện thuận lợi để xây dựng một nền văn hóa với nhiều nét đặc sắc, tạo nên nền văn minh Đại Việt phát triển rực rỡ và toàn diện.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ cánh diều, tr.66)

- a. Văn minh Đại Việt được hình thành và phát triển dựa trên nền độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt.
- b. Tất cả các triều đại phong kiến Việt Nam đều có công chống giặc ngoại xâm, bảo vệ và củng cố vững chắc nền độc lập dân tộc.
- c. Có nhiều nhân tố thúc đẩy văn minh Đại Việt có bước phát triển rực rỡ và toàn diện, trong đó độc lập, tự chủ là một nhân tố quan trọng.
- d. Chỉ khi được độc lập về chính trị, cư dân Đại Việt mới có ý thức độc lập về văn hóa.
- a. Đ b. S c. Đ d. S**

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây

Trong quá trình hình thành và phát triển, người Việt đã tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn minh từ bên ngoài, đặc biệt là văn minh Trung Hoa (thể chế chính trị, luật pháp, chữ viết, tư tưởng Nho giáo, giáo dục, khoa cử,...); văn minh Ấn Độ (Phật giáo, nghệ thuật, kiến trúc,...); văn minh phương Tây (chữ viết, Thiên Chúa giáo,...) góp phần làm phong phú nền văn minh Đại Việt.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ cánh diều, tr.66)

- a. Văn minh Đại Việt có sự kết hợp hài hòa giữa các giá trị của văn minh bản địa với các yếu tố du nhập bên ngoài.
- b. Việc tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa từ bên ngoài là nhân tố quan trọng hàng đầu dẫn đến sự phát triển rực rỡ của văn minh Đại Việt
- c. Văn minh Đại Việt đã tiếp thu thành tựu về tôn giáo của cả phương Đông và phương Tây.
- d. Cư dân Đại Việt tiếp thu thành tựu về chữ viết duy nhất từ nền văn minh Trung Hoa.

a. Đ b. S c. Đ d. S

Câu 6: Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Về chữ viết, trên cơ sở tiếp thu chữ Hán của người Trung Hoa, người Việt đã sáng tạo ra chữ Nôm để ghi lại tiếng nói của dân tộc. Bên cạnh chữ Hán là văn tự chính thống dùng trong thi cử, một số triều đại đã có những chính sách khuyến khích và đề cao chữ Nôm (nhà Hồ, nhà Tây Sơn). Đến thế kỉ XVII, chữ Quốc ngữ được hình thành từ việc sử dụng, cải biến bằng chữ cái La – tinh để ghi âm tiếng Việt và từng bước phát triển, trở thành chữ viết chính thức của người Việt”.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ cánh diều, tr.76)

- a. Chữ Nôm xuất hiện trước chữ Hán, là chữ viết do người Việt sáng tạo ra.
- b. Chữ viết chính thức của người Việt hiện nay đã được ra đời từ thế kỉ XVII.
- c. Một số triều đại phong kiến Việt Nam đề cao tinh thần dân tộc thông qua việc khuyến khích sử dụng chữ Nôm.
- c. Chữ Nôm và chữ Quốc ngữ được sáng tạo ra đều trên cơ sở tiếp thu thành tựu về chữ viết của các nền văn minh bên ngoài.

a. S b. Đ c. Đ d. Đ

II. TỰ LUẬN

BÀI 11. Văn minh Chăm-pa, Văn minh Phù Nam

1. Văn minh Chăm-pa.

a. Cơ sở hình thành

* Điều kiện tự nhiên

- + Văn minh Chăm-pa hình thành trên vùng duyên hải và một phần cao nguyên miền Trung Việt Nam ngày nay.
- + Địa hình đan xen khu vực cao nguyên với đồng bằng nhỏ hẹp.
- + Những cảnh đồng màu mỡ ven sông Thu Bồn tạo điều kiện thuận lợi cho sự định cư và canh tác nông nghiệp của cư dân.
- + Đường bờ biển dài tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình giao lưu, tiếp xúc văn hóa với các nền văn minh khác.

* Cơ sở dân cư :

- + Cư dân bản địa là những người nói tiếng Môn cổ.
- + Bên cạnh đó, còn có sự xuất hiện của bộ phận cư dân nói tiếng Mã Lai - Đa Đảo.
- => Những nhóm cư dân này cộng cư với nhau và là chủ nhân đầu tiên của văn minh Chăm-pa.
- + xã hội: gồm tầng lữ, quý tộc, thợ thủ công, dân nghèo...
- * Ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ.
- Ảnh hưởng văn minh Ấn Độ. Thông qua tầng lớp thương nhân, chữ viết, tôn giáo, tư tưởng, nhà nước, pháp luật được du nhập

b. Một số thành tựu tiêu biểu

- * **Tổ chức xã hội:** Cư dân chủ yếu sinh sống trong làng, duy trì quan hệ cộng đồng và thân tộc.
- Tổ chức nhà nước theo thể chế quân chủ chuyên chế:
- + vua là người đứng đầu nhà nước, có quyền lực tối cao và tuyệt đối
- + Giúp việc cho vua là quan lại ở trung ương và địa phương, phân cấp thành ba hạng: tôn quan, thuộc quan và ngoại quan. Trong đó: Tôn quan là chức quan cao cấp nhất trong triều đình. Thuộc quan là những chức quan dưới quyền tôn quan. Ngoại quan là những quan trấn trị tại địa phương.
- + Cả nước chia thành nhiều châu, dưới châu là huyện, dưới huyện là làng.
- * **Hoạt động kinh tế**
- Nông nghiệp trồng lúa nước
- Chăn nuôi gia súc

- Làm nghề thủ công
- Người Chăm rất giỏi nghề buôn bán bằng đường biển

*** Đời sống vật chất:**

- + Nguồn lương thực chính là: gạo nếp, gạo tẻ; kê, đậu,.. ngoài ra còn có nguồn hải sản đa dạng với các loại cá, tôm, ốc,...
- + Trang phục: nam, nữ thường quấn ngang tấm vải từ lưng trở xuống, tai đeo trang sức,
- + Vua thường ở trong lầu cao, dân thường ở nhà sàn dựng bằng gỗ.
- + Thuyền đi biển phổ biến là loại hai đầu nhọn, có cánh buồm, phần đầu lái và mũi thuyền đều uốn cong.
- + Kỹ thuật làm đồ gốm và xây dựng đền tháp rất phát triển.

*** Đời sống tinh thần.**

- Sáng tạo ra chữ Chăm cổ trên cơ sở tiếp thu chữ Phạn
- Văn học dân gian (thần thoại, truyền thuyết, văn bi kí, sử thi,...) và văn học viết (thơ, trường ca,...) cùng song hành tồn tại.
- Tín ngưỡng – tôn giáo:
- + có tục thờ cúng tổ tiên, chôn người chết trong các mộ chum.
- + Tiếp thu các tôn giáo của Ấn Độ là: Phật giáo và Hin-đu giáo
- Tư duy thẩm mỹ và sự sáng tạo của cư dân Chăm-pa thể hiện rõ qua các công trình kiến trúc, điêu khắc, chế tác đồ trang sức,
- Âm nhạc và ca múa đặc biệt phát triển với các loại nhạc cụ, như đàn cầm, trống, kèn,... cùng nhiều kiểu múa, như điệu múa Áp-sa-ra...

2. Văn minh Phù Nam.

a. Cơ sở hình thành

*** Điều kiện tự nhiên:**

- + Được hình thành ở khu vực Nam Bộ ngày nay, thuộc hạ lưu sông Mê Công
- + Được bồi đắp phù sa, nên đất đai màu mỡ.
- + Hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt đổ ra biển
- + Địa hình khu vực thấp, nguồn nước dồi dào. Nguồn thủy, hải sản phong phú, đa dạng
- + Có đường bờ biển dài=> Vị trí địa lí thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế - văn hóa

*** Cư dân và xã hội :**

- + Cư dân bản địa chủ yếu là người Môn cổ
- Ngoài ra còn có một bộ phận cư dân đến từ bên ngoài.
- => Các tộc người này đã cùng nhau thiết lập quốc gia mới, làm chủ nền văn minh Phù Nam.
- + Xã hội: gồm vua, tầng lớp, quý tộc, thương nhân, nông dân, thợ thủ công, nô lệ.

*** Ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ.**

- Ảnh hưởng văn minh Ấn Độ. Thông qua các tầng lớp thương nhân và truyền giáo

b. Một số thành tựu tiêu biểu

*** Tổ chức xã hội và nhà nước**

- Tổ chức xã hội:
- + Cư dân sinh sống trong các xóm làng (còn gọi là: phum, sóc), gồm nhiều gia đình có cùng huyết thống, cùng sinh sống trên một khu vực
- + Xóm làng (phum, sóc) có quan hệ lỏng lẻo với nhau và bị chia cắt bởi rừng rậm, đầm lầy.
- Nhà nước Phù Nam là tập hợp của nhiều tiểu quốc và được tổ chức nhà nước theo thể chế quân chủ chuyên chế:
- + Vua là người đứng đầu có quyền lực tối cao.
- + Giúp việc cho vua là hệ thống quan lại, tầng lớp.

*** Hoạt động kinh tế**

- Nông nghiệp trồng lúa nước
- Chăn nuôi gia súc, đánh bắt thủy hải sản.
- Nghề thủ công đa dạng: dệt, làm muối...
- Ngoại thương đường biển phát triển. Phù Nam là một trong những trung tâm thương mại lớn.

*** Đời sống vật chất**

- Nguồn lương thực, thực phẩm chính là: lúa gạo, các loại rau, củ, quả; gia súc, gia cầm, thủy hải sản...
- Trang phục tùy theo từng tầng lớp xã hội:
- + Dân nghèo dùng vải may quần áo, nhà giàu dùng tơ lụa, gấm.
- + Trang phục phổ biến là mặc áo chui đầu hoặc ở trần, dùng vải quấn làm váy, người dân đi chân đất hoặc đi dép bằng gỗ; còn vua đi dép bằng ngà voi.
- + Cư dân đặc biệt thích đeo đồ trang sức làm bằng đá quý, thủy tinh, vàng, bạc,...
- Cư dân sống chủ yếu trong các nhà sàn bằng gỗ.
- Việc di chuyển đi lại giữa các khu vực chủ yếu bằng thuyền bè trên kênh rạch, sông, biển

*** Đời sống tinh thần**

- Sử dụng chữ viết từ sớm; các loại văn tự có loại giống chữ Hán, chữ Phạn.
- Cư dân Phù Nam có tư duy thẩm mỹ phát triển ở trình độ khá cao, thể hiện qua kỹ thuật chế tác đồ trang sức, kỹ thuật dệt vải, làm gốm, điêu khắc, kiến trúc.
- Tín ngưỡng và tôn giáo:
- + Có tín ngưỡng sùng bái núi thiêng và nàng công chúa rắn
- + Tiếp thu Hin-đu giáo và Phật giáo từ Ấn Độ...

SO SÁNH

	Văn minh Chăm-pa	Văn minh Phù Nam
Tương đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở tự nhiên: <ul style="list-style-type: none"> + Có các dòng sông lớn, như: sông Thu Bồn ở Chăm-pa; sông Cửu Long ở Phù Nam. + Có các đồng bằng phù sa màu mỡ + Tiếp giáp với biển - Cơ sở xã hội: cư dân bản địa là người Môn cổ; bên cạnh đó còn có một bộ phận dân cư di cư từ nơi khác tới. 	
Khác biệt	<ul style="list-style-type: none"> - Địa bàn hình thành: vùng duyên hải và một phần cao nguyên miền Trung Việt Nam ngày nay. - Địa hình đan xen khu vực cao nguyên với đồng bằng nhỏ hẹp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Địa bàn hình thành: ở lưu vực sông Cửu Long (thuộc khu vực Nam Bộ của Việt Nam hiện nay). - Địa hình thấp và tương đối bằng phẳng

Bài 11, 12 – VĂN MINH ĐẠI VIỆT.**1. Khái niệm và cơ sở hình thành văn minh Đại Việt.**

a. Khái niệm: Là những sáng tạo về vật chất và tinh thần trong thời kỳ độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt (từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XIX), gắn liền với: chính quyền họ Khúc, họ Dương và các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, Lê sơ, Mạc, Lê Trung Hưng, Tây Sơn, Nguyễn

- Văn minh Đại Việt được phát triển trong điều kiện độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt với kinh đô chủ yếu là Thăng Long (Hà Nội). Vì vậy văn minh Đại Việt còn được gọi là văn minh Thăng Long.

b. Cơ sở hình thành.**- Sự kế thừa nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc:**

+ Văn minh Đại Việt có nguồn gốc sâu xa từ nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc được bảo tồn qua hơn một ngàn năm Bắc thuộc.

+ Những di sản và truyền thống của văn minh Văn Lang - Âu Lạc tiếp tục được phục hưng, phát triển trong thời kì độc lập, tự chủ.

- Dựa trên nền độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt:

+ Độc lập, tự chủ là nhân tố quan trọng của việc hình thành và phát triển của nền văn minh Đại Việt.

+ Trải qua các triều đại khác nhau, nền độc lập, tự chủ quốc gia tiếp tục được củng cố vững chắc. Đó là điều kiện thuận lợi để nhân dân xây dựng và phát triển một nền văn hoá dân tộc rực rỡ trên mọi lĩnh vực.

- Tiếp thu có chọn lọc những thành tựu văn minh bên ngoài:

+ Trong quá trình hình thành và phát triển, ngoài việc kế thừa nền văn minh sông Hồng, người Việt đã tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn minh từ bên ngoài, đặc biệt là:

- + Văn minh Trung Hoa (ví dụ: thể chế chính trị, luật pháp, chữ viết, tư tưởng Nho giáo, giáo dục, khoa cử,...)
- + Văn minh Ấn Độ (ví dụ: Phật giáo, nghệ thuật, kiến trúc,...)
- => Các yếu tố văn minh Trung Quốc, Ấn Độ đã góp phần làm phong phú nền văn minh Đại Việt.

2. Tiến trình phát triển.

- Thế kỉ X:

- + Gắn liền với chính quyền họ Khúc, họ Dương và các triều Ngô, Đinh, Tiền Lê.
- + Đây là giai đoạn văn minh Đại Việt bước đầu được định hình, thông qua công cuộc củng cố chính quyền, phát triển kinh tế và văn hoá.

- Thế kỉ XI - đầu thế kỉ XV

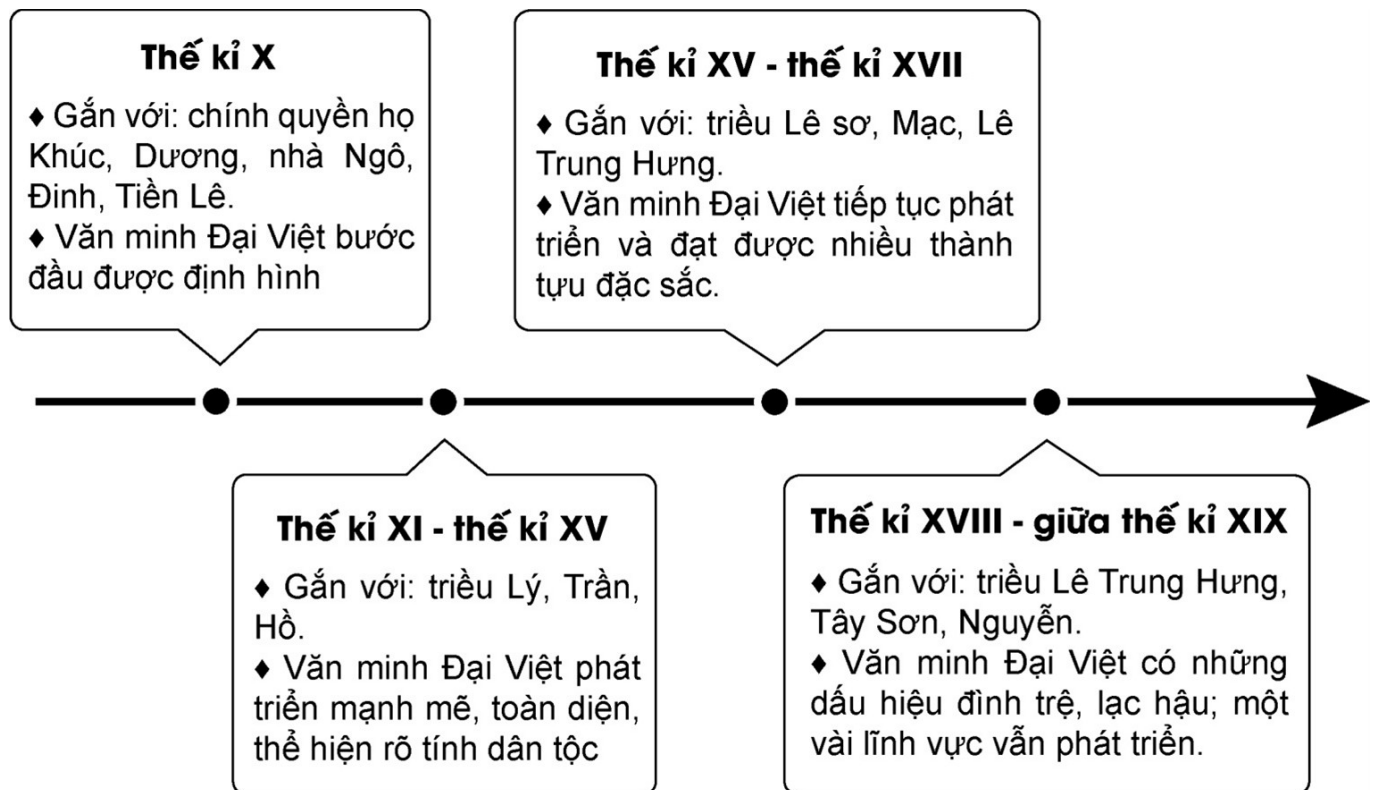
- + Gắn liền với sự tồn tại của các vương triều Lý, Trần, Hồ
- + Văn minh Đại Việt phát triển mạnh mẽ, toàn diện, tính dân tộc được thể hiện rõ nét.

- Thế kỉ XVI - thế kỉ XVII

- + Gắn liền với vương triều Lê sơ, Mạc, Lê Trung hưng.
- + Văn minh Đại Việt tiếp tục phát triển và đạt được nhiều thành tựu đặc sắc.
- + Đầu thế kỉ XVI, một số yếu tố văn hoá phương Tây du nhập vào Đại Việt.

- Thế kỉ XVIII - giữa thế kỉ XIX

- + Gắn liền với sự tồn tại của các vương triều Lê Trung hưng (giai đoạn hậu kì), Tây Sơn, Nguyễn.
- + Văn minh Đại Việt có những dấu hiệu đình trệ và lạc hậu. Mặc dù vậy, một số lĩnh vực văn minh vẫn đạt được những thành tựu nổi bật.
- + Từ giữa thế kỉ XIX, việc thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và thiết lập chế độ cai trị đã chấm dứt thời kì phát triển của nền văn minh Đại Việt.



3. Những thành tựu tiêu biểu.

a. Chính trị.

*** Tổ chức bộ máy nhà nước:**

- không ngừng được củng cố, hoàn thiện từ trung ương đến địa phương.
- Việc thành lập cơ quan hành chính, pháp lí, chuyên môn, giám sát,... thể hiện vai trò tổ chức, quản lý của nhà nước ngày càng chặt chẽ. Tiêu biểu là: tổ chức bộ máy nhà nước thời Lê sơ.

+ Việc thành lập cơ quan hành chính, pháp lí, chuyên môn, giám sát,... thể hiện vai trò tổ chức, quản lý của nhà nước ngày càng chặt chẽ.

- Luật pháp.

+ Năm 1002, nhà Tiền Lê định luật lệ.

+ Năm 1042, vua Lý Thái Tông ban hành bộ Hình thư. Đây là bộ luật thành văn đầu tiên của Đại Việt.

+ Năm 1930, vua Trần Thái Tông cho soạn bộ Hình luật.

+ Năm 1483, dưới thời Lê sơ, bộ Quốc triều hình luật (còn gọi là: Luật Hồng Đức) được ban hành.

+ Năm 1811, vua Gia Long cho biên soạn bộ Hoàng triều luật lệ (Luật Gia Long) và được thi hành trong suốt các triều vua nhà Nguyễn.

- Vai trò của luật pháp đối với sự phát triển của nền văn minh Đại Việt:

+ Nội dung trong các bộ luật đề cập đến việc: nêu cao tính dân tộc, chủ quyền quốc gia; bảo vệ quyền lợi của vua, quan lại, quý tộc; thúc đẩy sự phát triển của kinh tế. Ngoài ra, cũng có một số điều luật bảo vệ quyền lợi của nhân dân, trong đó có quyền lợi của phụ nữ.... => Như vậy: luật pháp trở thành hệ thống chuẩn mực nhằm duy trì và bảo vệ quyền lợi của tầng lớp thống trị cũng như trật tự xã hội.

b. Kinh tế.

*** Nông nghiệp.**

- Nhà nước thực hiện nhiều chính sách quan tâm, chăm lo phát triển sản xuất nông nghiệp, như:

+ Đắp đê, xây dựng hoặc tu sửa các công trình thủy lợi

+ Kêu gọi và tổ chức nhân dân khai hoang mở rộng diện tích cày cấy

+ Thực hiện phép “quân điền” chia ruộng đất cho nông dân

+ Nghiêm cấm giết trâu bò, để bảo vệ sức kéo cho nông nghiệp

+ Ngoài ra, nhà nước còn thực hiện: miễn giảm thuế, cày tịch điền; đặt một số chức quan quản lí, giám sát và khuyến khích sản xuất nông nghiệp

- Nông nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo với cây trồng chính là lúa nước. Ngoài ra, người dân còn trồng nhiều cây lương thực như ngô, khoai, sắn,...

- Phương thức và kĩ thuật canh tác có những bước tiến mới, nhân dân sử dụng phổ biến công cụ lao động bằng sắt; năng suất lao động tăng cao

- Công cuộc khai hoang, phục hoá, lấn biển làm tăng diện tích trồng trọt, lập thêm nhiều làng mới, góp phần mở rộng lãnh thổ và tăng cường khả năng phòng thủ đất nước.

- Hệ thống đê điều, thủy lợi từng bước được hoàn chỉnh trong cả nước.

*** Thủ công nghiệp.**

+ Thủ công nghiệp truyền thống tiếp tục duy trì và phát triển ở các địa phương với nhiều ngành nghề (dệt lụa, làm đồ gốm, đồ trang sức, rèn sắt, đúc đồng, làm giấy, nhuộm,...).

+ Nhiều nghề khác xuất hiện, như làm tranh sơn mài, làm giấy, khắc bản in,...

+ Thế kỉ XVI - XVII, đã xuất hiện nhiều làng nghề thủ công nổi tiếng cả nước, như: dệt La Khê, gốm Bát Tràng (Hà Nội), gốm Chu Đậu (Hải Dương),... với sản phẩm phong phú, đa dạng và tinh xảo

+ Thủ công nghiệp nhà nước do triều đình trực tiếp quản lý được chú trọng. Cục Bạch tác và các quan xưởng tại Thăng Long là nơi sản xuất đồ dùng phục vụ nhà nước, vua, quan trong triều đình. Các hoạt động sản xuất chủ yếu là đúc tiền kim loại, đóng thuyền lớn, sản xuất vũ khí cho quân đội,...

- Tác động: sự phát triển của thủ công nghiệp vừa đáp ứng nhu cầu của nhân dân trong nước, vừa tạo ra được những mặt hàng quan trọng để trao đổi với thương nhân nước ngoài.

*** Thương nghiệp**

- Về nội thương:

+ Chợ làng, chợ huyện được hình thành và phát triển mạnh, hoạt động buôn bán giữa các làng, các vùng trong nước diễn ra nhộn nhịp.

+ Kinh đô Thăng Long trở thành trung tâm buôn bán sầm uất dưới thời Lý, Trần, Lê sơ

+ Một số trung tâm buôn bán lớn như: Thăng Long, Phố Hiến, Thanh Hà, Hội An...

- Về ngoại thương:

+ Hoạt động trao đổi, buôn bán với nước ngoài bước đầu phát triển với nhiều mặt hàng phong phú.

+ Dưới thời Lý, Trần, Lê sơ các địa điểm trao đổi hàng hoá với nước ngoài được hình thành ở vùng biên giới, như Vân Đồn (Quảng Ninh), Lạch Trường (Thanh Hoá),...

+ Từ thế kỉ XVI, ngoài thương nhân phương Đông, thuyền buôn của phương Tây (Bồ Đào Nha, Hà Lan, Pháp,...) đã vào Đại Việt trao đổi, buôn bán. Việc thông thương với nước ngoài góp phần mở rộng thị trường trong nước và thúc đẩy sự hưng thịnh của các đô thị và cảng thị

c. Tư tưởng, tôn giáo.

*** Tư tưởng**

+ Tư tưởng yêu nước, thương dân được xem là tiêu chuẩn đạo đức cao nhất để đánh giá con người và các hoạt động xã hội, được biểu hiện thông qua các chính sách của nhà nước trong việc quan tâm đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

+ Tư tưởng “lấy dân làm gốc” (có cội nguồn từ tư tưởng yêu nước, thương dân).

+ Nho giáo phát triển gắn liền với hoạt động học tập, thi cử từ thời Lý, Trần. Đến thời Lê sơ, Nho giáo được nâng lên địa vị độc tôn, trở thành hệ tư tưởng chính thống của nhà nước quân chủ.

*** Tôn giáo.**

- Nho giáo.

+ Du nhập từ thời Bắc thuộc

+ Nhà Lý triều đại đầu tiên cho thi cử Nho học để tuyển chọn quan lại

+ Năm 1070 vua Lý Thánh Tông cho dựng Văn Miếu thờ Khổng Tử

+ Năm 1076 cho lập Quốc Tử Giám.

+ Nhà Lê Sơ thực hiện chính sách độc tôn Nho học

- Phật giáo.

+ Du nhập khoảng đầu công nguyên

+ Trung tâm Phật giáo: Chùa Dâu (Bắc Ninh)

+ Thời Lý – Trần rất được tôn sùng, trở thành quốc giáo. Thời Lý thiền phái Thảo Đường được sáng lập. Thời Trần Phật hoàng Trần Nhân Tông là người sáng lập thiền phái Trúc Lâm Yên Tử

- Đạo giáo.

- Có vị trí nhất định trong xã hội.

- Một số đạo quán tiêu biểu: Khai Nguyên (thời Lý), Trấn Vũ, Bích Câu, Huyền Thiên (thời Lê Trung Hưng)

→ Các tín ngưỡng, tôn giáo Đại Việt có sự hòa đồng và ảnh hưởng sâu đậm đến đời sống nhân dân. Đặc biệt là “Tam giáo đồng nguyên” thời Lý – Trần.

- Từ thế kỉ XVI, Thiên Chúa Giáo được du nhập vào Việt Nam (Nam Định).

d. Giáo dục và khoa cử.

- Về hệ thống giáo dục: đào tạo nhân tài cho đất nước

+ Năm 1070, nhà Lý cho dựng Văn Miếu, tạc tượng Chu Công, Khổng Tử. Năm 1075, triều đình mở khoa thi đầu tiên để tuyển chọn nhân tài, Năm 1076, vua Lý cho mở Quốc Tử Giám để dạy học cho hoàng tử, công chúa.

+ Từ thời Trần, triều đình lập Quốc học viện cho con em quan lại học tập. Các lớp học tư nhân ở các làng xã cũng được mở ra.

+ Từ thời Lê sơ, hệ thống trường học mở rộng trên cả nước;

+ Năm 1442, nhà Lê Sơ tổ chức xướng danh và vinh quy bái tổ

+ Năm 1484, Lê Thánh Tông cho dựng bia đá ở Văn Miếu để ghi danh hiền tài

+ Nhà Nguyễn đặt quan Đốc học ở các tỉnh để chuyên trách giáo dục...

+ Nhà nước tăng cường khuyến khích nhân dân học tập, Chiêu khuyến học ban hành thời Tây Sơn.

- Về phương thức thi cử, tuyển chọn quan lại:

+ Nhà nước chính quy hoá việc thi cử để tuyển chọn người tài

+ Thể lệ thi cử được quy định chặt chẽ, các kì thi được tổ chức chính quy, hệ thống (thi Hương, thi Hội, thi Đình)

Được triển khai từ thời nhà Lý. Thời Trần tổ chức quy củ và đều đặn hơn. Phát triển thịnh đạt thời Lê sơ

- Nhiều người đỗ đạt ra làm quan nổi tiếng như: Chu Văn An, Lê Quý Đôn, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm...

vai trò của giáo dục

- góp phần nâng cao dân trí.

- góp phần phát triển kinh tế – xã hội còn là nền tảng để bảo vệ chế độ chính trị của mỗi quốc gia.

- Giáo dục cung cấp nguồn nhân lực có trình độ góp phần phát triển kinh tế của mỗi quốc gia.

e. Văn học.

- Văn học chữ Hán phát triển mạnh, đạt nhiều thành tựu rực rỡ. Nội dung chủ yếu là ca ngợi truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc. Một số tác phẩm tiêu biểu là: Chiếu dời đô, Nam quốc sơn hà, Hịch tướng sĩ; Hoàng Lê nhất thống chí...

- Văn học chữ Nôm xuất hiện từ khoảng thế kỉ XIII và phát triển mạnh từ thế kỉ XV, đặc biệt là trong các thế kỉ XVI-XIX. Nội dung chủ yếu là ca ngợi tình yêu quê hương, đất nước, con người, phê phán một bộ phận quan lại cường hào và phản ánh những bất công trong xã hội, đề cao vẻ đẹp con người... Tiêu biểu là tác phẩm Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi, các bài thơ sáng tác bằng chữ Nôm của Lê Thánh Tông, Truyện Kiều của Nguyễn Du,...

g. Nghệ thuật.

- Nghệ thuật kiến trúc phát triển mạnh mẽ. Hệ thống cung điện, chùa, tháp, thành quách được xây dựng ở nhiều nơi, với quy mô lớn và vững chãi. Công trình tiêu biểu:

+ Hoàng thành Thăng Long, thành nhà Hồ, thành Lam Kinh, thành nhà Mạc, Đại nội Huế, thành Gia Định,...

+ Chùa Một Cột, chùa Thiên Mụ....

+ Đình làng Thạch Lôi (Hưng Yên), đình làng Đình Bảng (Bắc Ninh),...

- Nghệ thuật điêu khắc trên đá, gốm, gỗ thể hiện phong cách đặc sắc, tinh xảo với nhiều loại hình phong phú, như hoa văn trang trí hình sóng nước, hoa cúc, tượng rồng,...

- Âm nhạc phát triển mạnh với nhiều thể loại (nhạc dân gian, nhạc cung đình,...) và nhạc cụ phong phú (trống, đàn bầu, sáo, tiêu, đàn tranh, ti bà, đàn nguyệt, đàn thập lục,...).

- Nghệ thuật sân khấu phát triển với nhiều loại hình, như hát chèo, hát tuồng, hát quan họ, hát ví, hát giặm, hát chèo thuyền, hát ả đào, hát xẩm,...

h. Khoa học, kỹ thuật.

*** Sử học**

- Thời Lý – Sử ký

- Thời Trần thành lập Quốc sử viện, với bộ Đại việt sử ký – Lê Văn Hưu

- Thời Lê sơ có Đại Việt sử ký toàn thư

- Thời Nguyễn thành lập Quốc sử quán, với bộ Đại Nam thực lục, Khâm định Việt sử thông giám cương mục

*** Địa lý**

- Thời Lê sơ có Dư địa chí (Nguyễn Trãi), Hồng Đức bản đồ

- Thời Nguyễn có Đại Nam nhất thống trí, Gia Định thành thông chí, Đại Nam thống nhất toàn đồ

*** Toán học**

- Đại thành toán pháp của Lương Thế Vinh

- Lập thành toán pháp của Vũ Hữu

*** Quân sự**

- Binh thư yếu lược – Trần Hưng Đạo

- Hồ trướng khu cơ – Đào Duy Từ

- Nhà Hồ đã chế tạo được súng thần cơ và đóng các thuyền chiến có lầu...

*** Y học:** Tiêu biểu là Tuệ Tĩnh, Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác

4. Ý nghĩa của văn minh Đại Việt trong lịch sử Việt Nam

- Khẳng định tinh thần quật khởi, và sức lao động sáng tạo bền bỉ của nhân dân. Người Việt không ngừng xây dựng một nền văn minh mang đậm bản sắc dân tộc trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc từ bên ngoài.

+ Là tiền đề và điều kiện quan trọng để tạo nên sức mạnh của dân tộc trong công cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia, đồng thời, góp phần bảo tồn, giữ gìn và phát huy được những thành tựu và giá trị của văn minh Việt cổ.

+ Văn minh Đại Việt có giá trị lớn đối với quốc gia, dân tộc Việt Nam và một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đại Việt đã được UNESCO ghi danh.

-Thành tựu của nền văn minh Đại Việt còn lưu giữ, tồn tại đến ngày nay mà em biết

Lĩnh vực	Thành tựu còn lưu giữ, tồn tại đến ngày nay
Luật pháp	Quốc triều hình luật (thời Lê sơ); Hoàng Việt luật lệ (thời Nguyễn)

Nông nghiệp	Đê quai vạc (đắp từ thời Trần, hiện nay còn lại dấu tích ở một số địa phương thuộc vùng đồng bằng sông Hồng).
Thủ công nghiệp	Ấm gốm hoa nâu thời Lý – Trần
Giáo dục	Văn miếu – Quốc Tử Giám; Bia Tiến sĩ; Chiếu Cầu hiền; chiếu khuyến học...
Tư tưởng	Tư tưởng lấy dân làm gốc
Tín ngưỡng	Tín ngưỡng: thờ cúng tổ tiên, anh hùng dân tộc, tổ nghề; thờ mẫu... vẫn được duy trì
Chữ viết	Chữ Nôm, chữ Quốc ngữ
Sử học	Tác phẩm: Đại Việt sử kí toàn thư; Đại Việt thông sử; Lịch triều hiến chương loại chí...
Quân sự	Bình thư yếu lược
Nghệ thuật	- Các công trình kiến trúc: thành nhà Hồ; dấu tích của thành nhà Mạc; Đại nội Huế, thành Gia Định, Chùa Một Cột, chùa Thiên Mụ; đình làng Đình Bảng.... - Nhã nhạc cung đình - Các lễ hội: tịch điền, tết Nguyên Đán.... - Các loại hình diễn xướng như: hát chèo, hát tuồng, hát quan họ, hát xẩm...

? Nêu giá trị của “An Nam tứ đại khí” đối với nền văn minh Đại Việt?

“An Nam tứ đại khí” gồm bốn công trình nghệ thuật thời Lý, Trần: tượng Phật chùa Quỳnh Lâm, đỉnh tháp Bảo Thiên, chuông Ngân Thiên (chuông Quy Điền) và vạc Phổ Minh.

- “An Nam tứ khí” là bốn kì quan, bốn quốc bảo của Đại Việt thời Lý, Trần cho thấy tài năng, sự sáng tạo và trình độ kĩ thuật điêu luyện của người nghệ nhân.

? Sự tầm tư liệu về một thành tựu của nền văn minh Đại Việt để thuyết trình với thầy cô và bạn học?

- Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương bắt nguồn từ tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của cư dân Việt cổ ngay từ thời văn minh sông Hồng.

- Vượt qua thời gian, vượt lên các thế chế chính trị, Hùng Vương luôn được cả người dân, lẫn các giai cấp cầm quyền tôn thờ và xây dựng các thiết chế văn hóa, tín ngưỡng để thờ tự. Hùng Vương Ngọc Phả được soạn vào thời triều đại nhà Lê đời Hồng Đức nguyên niên (1470) cho biết: từ đời nhà Đinh, Lê, Lý, Trần và Hậu Lê việc thờ cúng Hùng Vương đã được tổ chức ở làng Cổ Tích, xã Hy Cương. Nhân dân các vùng của đất nước đều đến lễ để tưởng nhớ các đấng Thánh Tổ ngày xưa.

- Dưới thời nhà Nguyễn (thế kỷ XIX), nhà nước đã cho xây dựng Miếu Lịch Đại Đế Vương, ngôi miếu thờ các bậc minh quân khai sáng dân tộc Việt Nam, cho rước linh vị các Vua Hùng về thờ tự.

- Cho đến hiện nay (đầu thế kỷ XXI), tín ngưỡng truyền thống tốt đẹp này vẫn được người Việt duy trì. Đặc biệt, tới năm 2012, tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ đã được tổ chức UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

III. ĐỀ MINH HỌA

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng trong các câu sau:

Câu 1. Dựa trên cơ sở chữ Hán, cư dân Đại Việt đã sáng tạo ra loại chữ viết nào?

- A. Chữ Quốc ngữ. B. Chữ Hán Việt. C. Chữ La-tinh. D. Chữ Nôm.

Câu 2. Văn minh Chăm-pa có nhiều mối liên hệ gần gũi với nền văn hóa nào?

- A. Văn hóa Sa Huỳnh. B. Văn hóa Óc Eo.
C. Văn hóa Đông Sơn. D. Văn hóa Phùng Nguyên.

Câu 3. Sự phát triển trong kĩ thuật sản xuất thủ công nghiệp của cư dân Chăm-pa thể hiện qua nghề

- A. làm đồ gốm và xây dựng đền tháp. B. đúc đồng và kĩ thuật in.
C. rèn sắt và làm thuốc súng. D. đúc đồng và làm thuốc súng.

Câu 4. Yếu tố quyết định sự phát triển rực rỡ của nền văn minh Đại Việt là

- A. sự phục hồi của nền văn minh Âu Lạc. B. nền độc lập, tự chủ của quốc gia.

C. ảnh hưởng của văn minh Trung Hoa.

D. ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ.

Câu 5. Nền văn minh Đại Việt bước đầu được định hình trong khoảng thời gian nào?

A. Thế kỉ IX.

B. Thế kỉ X.

C. Thế kỉ XI.

D. Thế kỉ XII.

Câu 6. Thủ công nghiệp của Đại Việt ngoài những nghề truyền thống được duy trì còn xuất hiện nhiều nghề khác như

A. dệt lụa, làm đồ gốm.

B. rèn sắt, đúc đồng.

C. làm tranh sơn mài, khắc bản in.

D. làm đồ gốm, xây dựng đền tháp.

Câu 7. Văn minh Chăm-pa và văn minh Phù Nam đều chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của văn minh

A. Trung Hoa.

B. Ấn Độ.

C. Ai Cập.

D. Hy Lạp.

Câu 8. Luật *Gia Long* là tên gọi khác của bộ luật nào?

A. Hình luật.

B. Hình thư.

C. Hoàng Việt luật lệ.

D. Quốc triều hình luật.

Câu 9. Nền văn minh Phù Nam được hình thành ở khu vực nào của Việt Nam hiện nay?

A. Đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

B. Lưu vực châu thổ sông Cửu Long.

C. Vùng duyên hải miền Trung.

D. Vùng ven biển Nam Trung Bộ.

Câu 10. Kinh đô của Đại Việt dưới thời Lý, Trần và Lê Sơ đặt ở

A. Hoa Lư.

B. Tây Đô.

C. Thăng Long.

D. Phú Xuân.

Câu 11. Công trình nào sau đây không phải là thành tựu tiêu biểu về kiến trúc của văn minh Đại Việt?

A. Hoàng thành Thăng Long.

B. Thành nhà Hồ.

C. Chùa Một Cột.

D. Thánh địa Mỹ Sơn.

Câu 12. Tư tưởng nào được nâng lên địa vị độc tôn dưới thời Lê sơ?

A. Nho giáo.

B. Phật giáo.

C. Đạo giáo.

D. Công giáo.

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1. (3,0 điểm)

Nêu những cơ sở hình thành của nền văn minh Phù Nam.

Câu 2. (4,0 điểm)

a) Trình bày ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt. Giới thiệu một thành tựu của văn minh Đại Việt được UNESCO ghi danh là Di sản Văn hóa Thế giới.

b) Theo em, cần phải làm gì để bảo tồn và phát huy giá trị của những thành tựu văn minh Đại Việt trong thời đại ngày nay?

===== Hết =====

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	A	A	B	B	C	B	C	B	C	D	A

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu	Hướng dẫn	Điểm
Câu 1.	Nêu những cơ sở hình thành nền văn minh Phù Nam.	3
	<p><i>* Điều kiện tự nhiên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn minh Phù Nam hình thành trên lưu vực châu thổ sông Cửu Long, hệ thống sông ngòi kênh rạch chằng chịt... - Địa hình khu vực thấp, nguồn nước dồi dào... - Vị trí địa lý tiếp giáp biển, có nhiều địa điểm thuận lợi cho việc tránh bão, neo đậu thuyền bè của các thương nhân nên sớm có điều kiện giao lưu với nền văn minh của nhiều quốc gia khác... 	0,5 0,5 0,5
	<p><i>* Dân cư và xã hội:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ yếu là cư dân bản địa (người Môn cổ) kết hợp với một bộ phận cư dân đến từ bên ngoài... - Xã hội Phù Nam cổ đại có sự phân biệt rõ giữa người giàu và người nghèo, giữa 	0,75 0,75

	tầng lớp thống trị và bị trị...	
Câu 2.a)	Trình bày ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt. Giới thiệu một thành tựu của văn minh Đại Việt đã được UNESCO ghi danh là Di sản Văn hóa Thế giới.	3
	<p>* Ý nghĩa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện sức sáng tạo và truyền thống lao động bền bỉ của các thế hệ người Việt... - Là tiền đề và điều kiện quan trọng để tạo nên sức mạnh của dân tộc trong công cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia... - Góp phần bảo tồn và phát huy những thành tựu của nền văn minh Việt cổ... - Văn minh Đại Việt có giá trị lớn đối với quốc gia, dân tộc Việt Nam ... 	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
	<p>* Giới thiệu một thành tựu của văn minh Đại Việt đã được UNESCO ghi danh là Di sản Văn hóa Thế giới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể tên thành tựu được 0,25 điểm. - Giới thiệu nét chính về thành tựu: địa bàn, thời gian ra đời, giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật... 0,75 điểm. <p>Gợi ý: Học sinh có thể lựa chọn giới thiệu một trong những Di sản văn hóa sau: Hoàng thành Thăng Long (Hà Nội), thành nhà Hồ (Thanh Hóa), phố cổ Hội An (Quảng Nam), quần thể di tích Cố đô Huế (Thừa Thiên Huế)....</p>	1
Câu 2.b)	Theo em, cần phải làm gì để bảo tồn và phát huy giá trị của những thành tựu văn minh Đại Việt trong thời đại ngày nay?	1
	<p><i>Học sinh lập luận logic, biện pháp đề xuất hiệu quả thì cho điểm tối đa.</i></p> <p>Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học tập, tìm hiểu những giá trị tốt đẹp của văn minh Đại Việt để ứng dụng vào cuộc sống hiện tại. - Nâng cao ý thức bảo vệ giá trị thành tựu văn minh Đại Việt đồng thời đấu tranh chống lại các hành động xâm phạm và làm tổn hại đến di sản văn hóa. - Tích cực tuyên truyền đến các thành viên trong cộng đồng về giá trị của văn minh Đại Việt. - Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quảng bá, gìn giữ giá trị văn minh Đại Việt... 	1